Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 9017.20.10

Mã HS	9017.20.10
Mô tả hàng hóa	Dụng cụ vẽ, vạch mức dấu hoặc dụng cụ tính toán toán học (ví dụ, máy vẽ phác, máy vẽ truyền, thước đo góc, bộ đồ vẽ, thước logarit, bàn tính dùng đĩa); dụng cụ đo chiều dài, dùng tay (ví dụ, thước thanh và thước dây, thước micromet, thước cặp), chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác trong Chương này / - Dụng cụ vẽ, vạch mức hoặc dụng cụ tính toán toán học khác: / - - Thước
Đơn vị	chiếc/bộ
Thời điểm tạo	07/11/2026 10:50:55
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/90172010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18061
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18061
Thuế GTGT (VAT)	5/8/10	5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18061
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17374
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17303
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17303
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17303
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17303
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17303
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17303
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E17359
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17359
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17359
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17359

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17359
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17359
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17360
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17360
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17360
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17360
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17360
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17360
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17365
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17321
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17317
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17317
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17317
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17317
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17317
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17317
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17363
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17363
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17363
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17363
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17363
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17363
VCFTA	2022	2022	5	VC!D17425
VCFTA	2023	2023	5	VC!E17425
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17425
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17425

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17425
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17425
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D17401
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E17401
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F17401
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17401
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17401
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17401
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D17396
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E17396
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F17396
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G17396
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H17396
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17396
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D17426
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17426
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17426
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17426
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17426
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17426
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D17425
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17425
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17425
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17425
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17425
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17425

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17519
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17519
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17519
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17519
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17519
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17519
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17519
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17388
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17388
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17388
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17388
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17388
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17388
RCEP B	2022	2022	0	B!D17388
RCEP B	2023	2023	0	B!E17388
RCEP B	2024	2024	0	B!F17388
RCEP B	2025	2025	0	B!G17388
RCEP B	2026	2026	0	B!H17388
RCEP B	2027	2027	0	B!I17388
RCEP C	2022	2022	0	C!D17386
RCEP C	2023	2023	0	C!E17386
RCEP C	2024	2024	0	C!F17386
RCEP C	2025	2025	0	C!G17386
RCEP C	2026	2026	0	C!H17386
RCEP C	2027	2027	0	C!I17386
RCEP D	2022	2022	0	D!D17385

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E17385
RCEP D	2024	2024	0	D!F17385
RCEP D	2025	2025	0	D!G17385
RCEP D	2026	2026	0	D!H17385
RCEP D	2027	2027	0	D!I17385
RCEP E	2022	2022	0	E!D17389
RCEP E	2023	2023	0	E!E17389
RCEP E	2024	2024	0	E!F17389
RCEP E	2025	2025	0	E!G17389
RCEP E	2026	2026	0	E!H17389
RCEP E	2027	2027	0	E!I17389
RCEP F	2022	2022	0	F!D17388
RCEP F	2023	2023	0	F!E17388
RCEP F	2024	2024	0	F!F17388
RCEP F	2025	2025	0	F!G17388
RCEP F	2026	2026	0	F!H17388
RCEP F	2027	2027	0	F!I17388
VIFTA	2024	2024	3.3	VI!F16303
VIFTA	2025	2025	1.7	VI!G16303
VIFTA	2026	2026	0	VI!H16303
VIFTA	2027	2027	0	VI!I16303

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 9017.20 có 4 dòng thuế; dòng 9017.20.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Thước.	9017.20.40 Máy vẽ ảnh để sản xuất tấm mạch in/tấm dây in; 9017.20.50 Máy vẽ khác; 9017.20.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9017.20.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 9017.20.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18061), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.